

Bản án số: 170/2023/HN-ST

Ngày: 20-12-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

**Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thu Trang  
Ông Phạm Thành Đồng

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2023/TLST –HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 364/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lâm Thị Hồng P, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. *Bị đơn:* ông Phạm Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lâm Thị Hồng P trình bày:*

Bà và ông H kết hôn vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh B vào ngày 20/8/2004.

Sau khi kết hôn, hai bên sinh sống tại ấp 4, xã T, huyện G, tỉnh B. Thời gian đầu, hai bên chung sống bình thường. Đến năm 2020, hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng khi bàn bạc mọi vấn đề trong cuộc sống chung. Ngoài ra, ông H còn mê cờ bạc, nhiều lần gây nợ. Mặc dù bà nhiều lần khuyên nhủ, ông H cũng hứa hẹn nhưng sau đó vẫn không thay đổi. Do thương con còn nhỏ nên bà đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng. Đến năm 2022, bà khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án. Khi hòa giải, do ông H hứa sửa đổi nên bà đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên

sau đó, do ông H vẫn không thay đổi nên hai bên tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Trong thời gian ly thân, ông H có tới lui thăm con và cho con bánh trái, sữa nhưng cả hai đều không đề cập việc hòa giải. Hiện nay bà đã quá mệt mỏi, không còn tình cảm với ông H, không thể tiếp tục chịu đựng cảnh vừa lo cho con vừa phải lo cho chồng mê cờ bạc. Bên cạnh đó, bà muốn tâm trí được ổn định, yên tâm làm ăn nuôi con, hai bên cũng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Con chung: Phạm Hưng A, sinh ngày 18/9/2005 và Phạm Gia Bảo, sinh ngày 21/7/2014 hiện ở với bà. Khi ly hôn, Phạm Hưng A, sinh ngày 18/9/2005 đã thành niên và có khả năng lao động bà không yêu cầu giải quyết; riêng Phạm Gia Bảo, sinh ngày 21/7/2014, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có.

*\* Theo bản tự khai ngày 07/11/2023 và trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:*

Ông thống nhất với trình bày của bà P về thời điểm chung sống, thời điểm kết hôn, thời điểm hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời điểm ly thân. Tuy nhiên, hiện nay do ông còn thương vợ, thương con, hứa sẽ bỏ cờ bạc, làm lại từ đầu nên không đồng ý ly hôn với bà P.

Con chung: Phạm Hưng A, sinh ngày 18/9/2005 và Phạm Gia Bảo, sinh ngày 21/7/2014 hiện sống với bà P. Nếu bà P không đồng ý hàn gắn thì Phạm Hưng A, sinh ngày 18/9/2005 đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết. Riêng Phạm Gia Bảo, sinh ngày 21/7/2014, ông đồng ý giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con, ông sẽ cho con tùy theo khả năng.

Tài sản chung, nợ chung không có.

*\* Tại phiên tòa:*

- Bà Lâm Thị Hồng P vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Ông Phạm Văn H vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Sau khi nhận đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án, không vi phạm về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không tham gia phiên tòa là

chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị Hồng P. Bà P được ly hôn với ông Phạm Văn H.

+ Về con chung: cháu Phạm Hưng A sinh ngày 18/9/2005 đã thành niên tự lao động sinh sống được. Giao cháu Phạm Gia B sinh ngày 21/7/2014 cho bà P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về thủ tục:* tại phiên tòa, nguyên đơn vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Về nội dung:*

[1] Về hôn nhân: do bà Lâm Thị Hồng P và ông Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh B vào ngày 20/8/2004 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm, ông H nghiện cờ bạc nên hai bên nhiều lần phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên vẫn không thể H giải và hàn gắn. Hiện ông H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P, với lý do còn thương vợ, thương con. Tuy nhiên bà P xác định cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, bà không còn niềm tin, tình cảm với ông H, tính tình hai bên không hòa hợp, không có khả năng hàn gắn nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt. Qua đó, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Phạm Hưng A sinh ngày 18/9/2005 đã thành niên và có khả năng lao động hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Riêng Phạm Gia B sinh ngày 21/7/2014, xét thấy trong thời gian bà P và ông Hòa phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay, cháu Bảo do bà P chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, tại biên bản lấy ý kiến ngày 06/11/2023, cháu Bảo có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Bảo của bà P là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng, ghi nhận bà P tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà P phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Hồng P được ly hôn với ông Phạm Văn H.

2/- Con chung:

Phạm Hưng A, sinh ngày 18/9/2005 đã thành niên và có khả năng lao động hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Riêng Phạm Gia Bảo, sinh ngày 21/7/2014 giao cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà P tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Buộc bà Lâm Thị Hồng P phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006292 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, bà P đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã T,
- (G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ngọc Duyên**

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

